

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới tại kết quả thẩm định họp ngày 22 tháng 6 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới đã được chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt gửi kèm Công văn số 243/CV-BQL ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Chợ Mới;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

Handwritten signature

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Chợ Mới (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

3. Đầu tư hệ thống thu gom, dẫn toàn bộ nước thải của Dự án về hệ thống xử lý nước thải có công suất 150 m³/ngày để xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

4. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Trường hợp có thay đổi Chủ dự án, Chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 28/QĐ-STNMT-MT ngày 29 tháng 01 năm 2008 và Quyết định số 62/QĐ-STNMT-MT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường. / *xtk*

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: YT, XD, KHCCN;
- UBND huyện Chợ Mới;
- Ban Giám đốc;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Trung tâm Công nghệ thông tin (công khai kết quả giải quyết TTHC);
- Phòng TNMT huyện Chợ Mới;
- UBND thị trấn Chợ Mới;
- Chi cục BVMT, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, Thu (4b). *ghl*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-STNMT ngày tháng năm 2022
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Chợ Mới.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Địa chỉ liên hệ: Số 7A Nguyễn Trung Trực, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Loại hình dự án: Cơ sở y tế khám chữa bệnh.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi dự án được xác định theo tọa độ các điểm giới hạn của dự án:

Điểm giới hạn	Hệ tọa độ (VN 2000)	
	Tọa độ X	Tọa độ Y
Tọa độ vị trí các điểm giới hạn toàn dự án		
A	1166140	571091
B	1166149	571091
C	1166249	571036
D	1166261	571016
E	1166163	570877
F	1166142	570871
G	1166036	570951
H	1166036	570957
Tọa độ vị trí các điểm giới hạn công trình mở rộng (khối tổng hợp 50 giường bệnh)		
I	1166150	571030
J	1166170	571055
K	1166194	571035
L	1166178	571013
M	1166171	571012

- Quy mô: Tổng diện tích đất của dự án là 25.447 m², trong đó bố trí các hạng mục công trình, gồm:

*** Công trình Trung tâm Y tế hiện hữu:**

(1) Công trình chính: Khu hành chính 735 m²; Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn 230 m²; Khoa nhiễm 386 m²; Khoa bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ 155 m²; Nhà bảo vệ 22 m²; Nhà xe 1 252 m²; Nhà xe 2 30 m²; Nhà xe 3 273 m²; Nhà xe 4 98 m²; Nhà kho 133 m²; Căn tin 189 m²; Nhà xác 105 m²; Bồn nước 1 140 m²; Bồn nước 2 100 m²; Bồn nước 3 105 m²; Tháp nước 40 m²; Nhà đèn 149,7 m².

(2) Công trình phụ trợ: Hệ thống cung cấp điện; cung cấp nước; phòng cháy chữa cháy; cây xanh 9.967 m²; đường giao thông nội bộ + sân đan 6.734 m².

(3) Công trình bảo vệ môi trường: Kho kiểm soát nhiễm khuẩn 86 m²; khu lò đốt chất thải y tế 126 m²; khu xử lý nước thải tập trung 233 m².

*** Công trình cải tạo:**

(1) Công trình chính: Khối khám bệnh - phát thuốc 667 m²; Khu vực chờ khám bệnh 146 m²; Nhà thuốc 52 m²; Khoa ngoại 723 m²; Khu sản A và khu sản B 844 m²; Khoa dinh dưỡng 160 m²; Khu nội trú 468 m²; Khu chờ sanh 383 m²; Nhà đông y 113 m²; Nhà dân số 148 m²; Nhà hội chữ thập đỏ 215 m²; Nhà vệ sinh nam và nữ khoa nhiễm 10,3 m²; Nhà vệ sinh chung 136 m².

(2) Công trình phụ trợ: Hàng rào hiện trạng 182 m.

*** Công trình xây dựng mới:**

(1) Công trình chính: Khối tổng hợp 863 m² (gồm 05 tầng với tổng diện tích sàn 3.706 m²).

(2) Công trình phụ trợ: Nhà bể nước ngầm PCCC 42 m²; Hệ thống cung cấp nước, cung cấp điện, chống sét, phòng cháy chữa cháy.

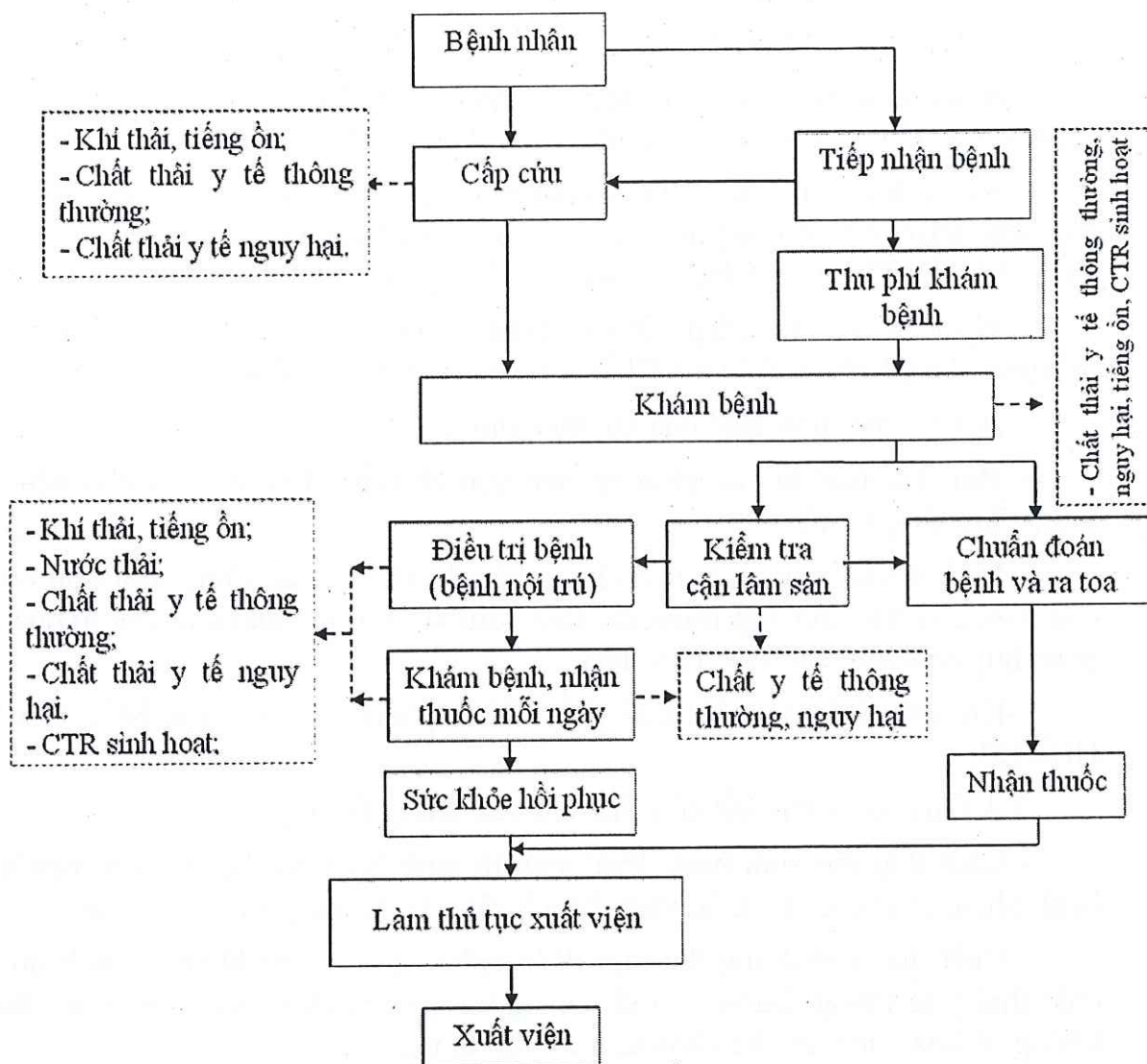
- Tổng công suất: 200 giường bệnh (trong đó: Trung tâm Y tế hiện hữu 150 giường; Khối tổng hợp xây mới 50 giường).

- Tổng vốn đầu tư dự án: 44.960.000.000 đồng (Bốn mươi bốn tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng).

1.2. Công nghệ vận hành của dự án:

Quy trình khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế như sau:

Handwritten signature



1.3. Nguồn nguyên liệu chính phục vụ dự án: Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của dự án chủ yếu là các loại thuốc tây y, hóa chất phân tích các xét nghiệm, nước cấp sinh hoạt.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Nước mưa chảy tràn.
- Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cán bộ công nhân viên, khách vãng lai.
- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển; Khí thải, mùi hôi từ khu xử lý nước thải, khu vực tập kết rác thải và khu vực chứa hóa chất; Khí thải từ lò đốt chất thải y tế.
- Chất thải rắn sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cán bộ công nhân viên, khách vãng lai; Chất thải y tế thông thường và chất thải y tế nguy hại từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Chất thải nguy hại khác từ hoạt động của dự án, bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, tro xỉ từ lò đốt chất thải y tế.

serlun

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn: Lượng phát sinh khu vực dự án khoảng 299,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cán bộ công nhân viên, khách vắng lai khoảng 48,3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: TSS, COD, BOD₅, dầu mỡ, chất dinh dưỡng (N, P),...

- Nước thải y tế: Phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh khoảng 49,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất hữu cơ, vi sinh gây bệnh,...

2.3. Quy mô, tính chất của khí thải, mùi:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC,...

- Mùi từ khu vực chứa hóa chất, chủ yếu là mùi các dung môi hữu cơ như cồn, ete,... và khu vực tập trung rác thải, khu xử lý nước thải chủ yếu từ quá trình phân huỷ chất hữu cơ gồm: H₂S, NH₃,...

- Khí thải từ lò đốt chất thải y tế: Thành phần chủ yếu: Bụi, NO_x, CO, SO₂, HF, HCl,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cán bộ công nhân viên, khách vắng lai khoảng 747,7 kg/ngày.

- Chất thải y tế thông thường: Phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh gồm chất thải y tế thông thường có khả năng tái chế và chất thải y tế thông thường không có khả năng tái chế khoảng 5.773 kg/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải y tế nguy hại: Phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm:

+ Chất thải lây nhiễm: Khoảng 384 kg/tháng.

+ Chất thải không lây nhiễm: Khoảng 273 kg/tháng.

- Chất thải nguy hại khác: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị như bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải, hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại, giẻ lau dính dầu nhớt, tro xỉ từ lò đốt chất thải y tế và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải. Khối lượng phát sinh khoảng 697 kg/tháng, trong đó: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 585 kg/tháng; tro xỉ từ lò đốt chất thải y tế khoảng 106 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải:

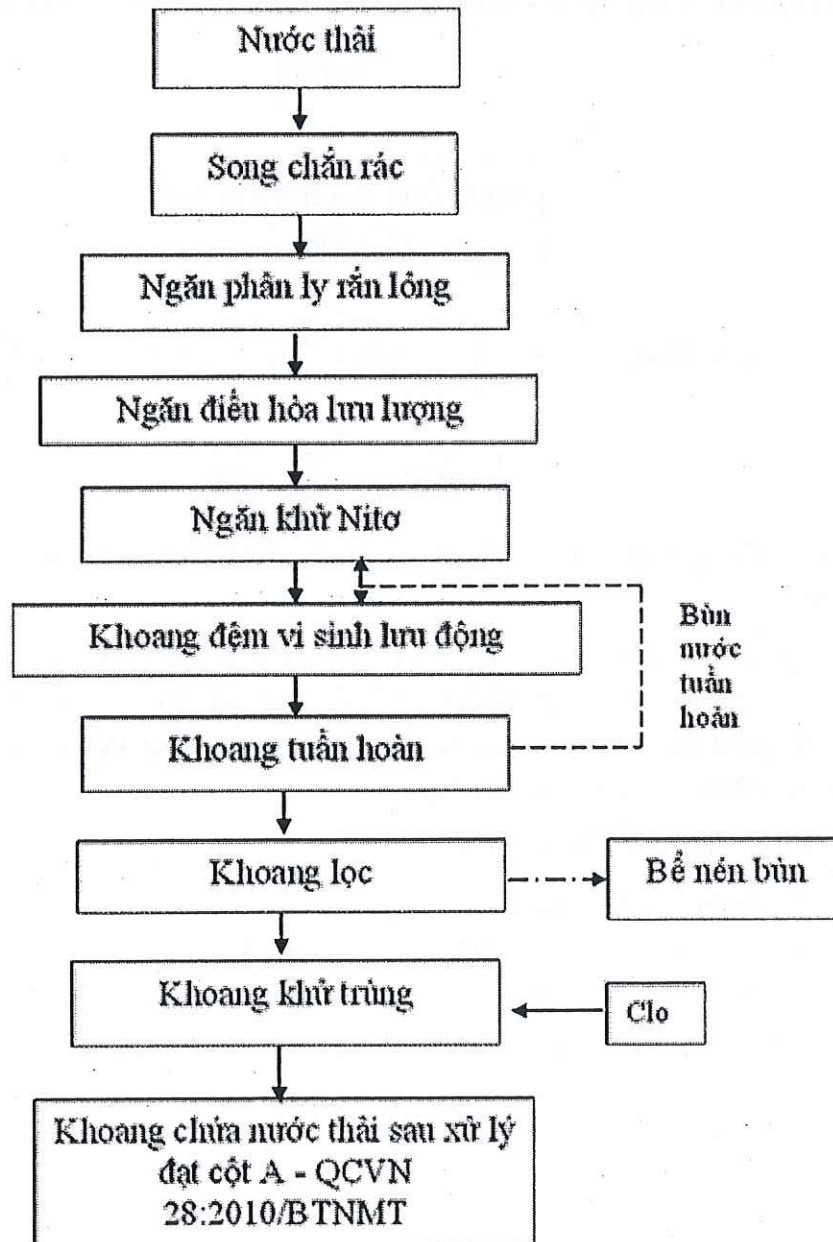
- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Bố trí hệ thống thoát nước mưa bằng đường cống bê tông đúc sẵn có đường kính Ø400 và rãnh thoát nước Ø300 bố trí dưới các tuyến lộ giao thông dẫn về cống thoát nước chung của tuyến đường Nguyễn Văn Hưởng.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày bằng đường ống PVCØ250 để xử lý.

- Nước thải y tế: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh được thu gom vào các hố ga và dẫn về hệ thống xử lý nước thải 150m³/ngày bằng đường ống PVCØ250. Thực hiện nạo vét, bơm hút lưu thông đường cống thoát nước thải với tần suất 3 tháng/lần.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh của dự án (bao gồm công trình hiện hữu và công trình xây dựng mới) về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế và thoát ra kênh Tiêu bằng đường ống PVCØ250.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày như sau:



Handwritten signature

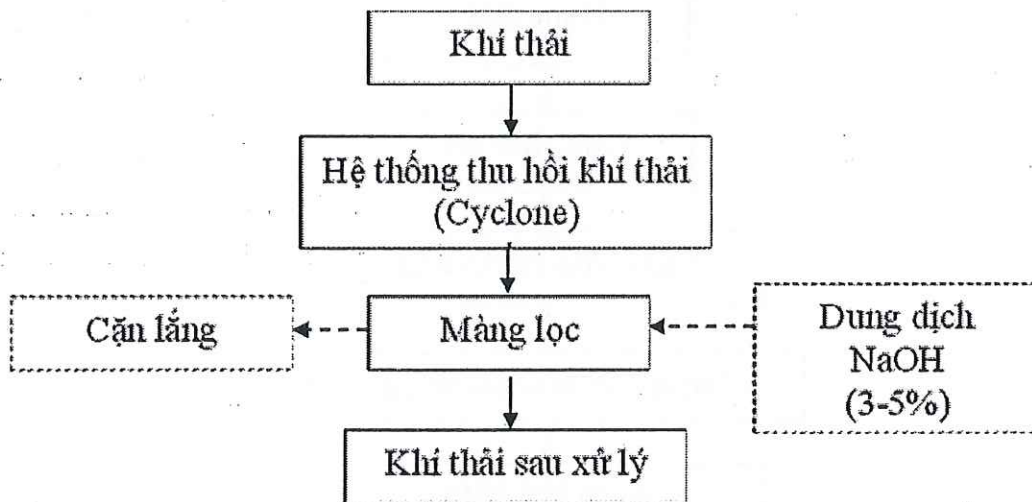
3.2. Công trình xử lý khí thải, mùi:

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển: Yêu cầu cán bộ công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phải tắt máy, dẫn bộ khi vào khuôn viên dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện theo quy định; bố trí cây xanh trong khu vực.

- Giảm thiểu khí thải, mùi hôi từ khu xử lý nước thải, khu vực tập kết rác thải và khu vực chứa hóa chất: Hệ thống xử lý nước thải được bố trí ở khu vực tách biệt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom chất thải sinh hoạt hàng ngày; khu vực chứa hóa chất được xây dựng kín, kết hợp với quá trình thông gió tự nhiên.

- Giảm thiểu khí thải từ lò đốt chất thải y tế: Khí thải từ lò đốt chất thải y tế được xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải Chuproce, đảm bảo xử lý khí thải đạt cột B, QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn khí thải lò đốt rác y tế trước khi thải ra môi trường.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt chất thải y tế như sau:



3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy loại 120 lít tại sảnh đợi, nhà vệ sinh, văn phòng, bãi đậu xe và dọc các lối đi. Hàng ngày có nhân viên thu gom tập kết phía trước dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý định kỳ 02 lần/ngày.

- Chất thải y tế thông thường:

+ Chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế: Được thu gom vào túi màu trắng có dung tích 50 lít; lưu chứa trong kho chứa chất thải tái chế diện tích 36m² và bán phế liệu định kỳ 01 lần/tuần.

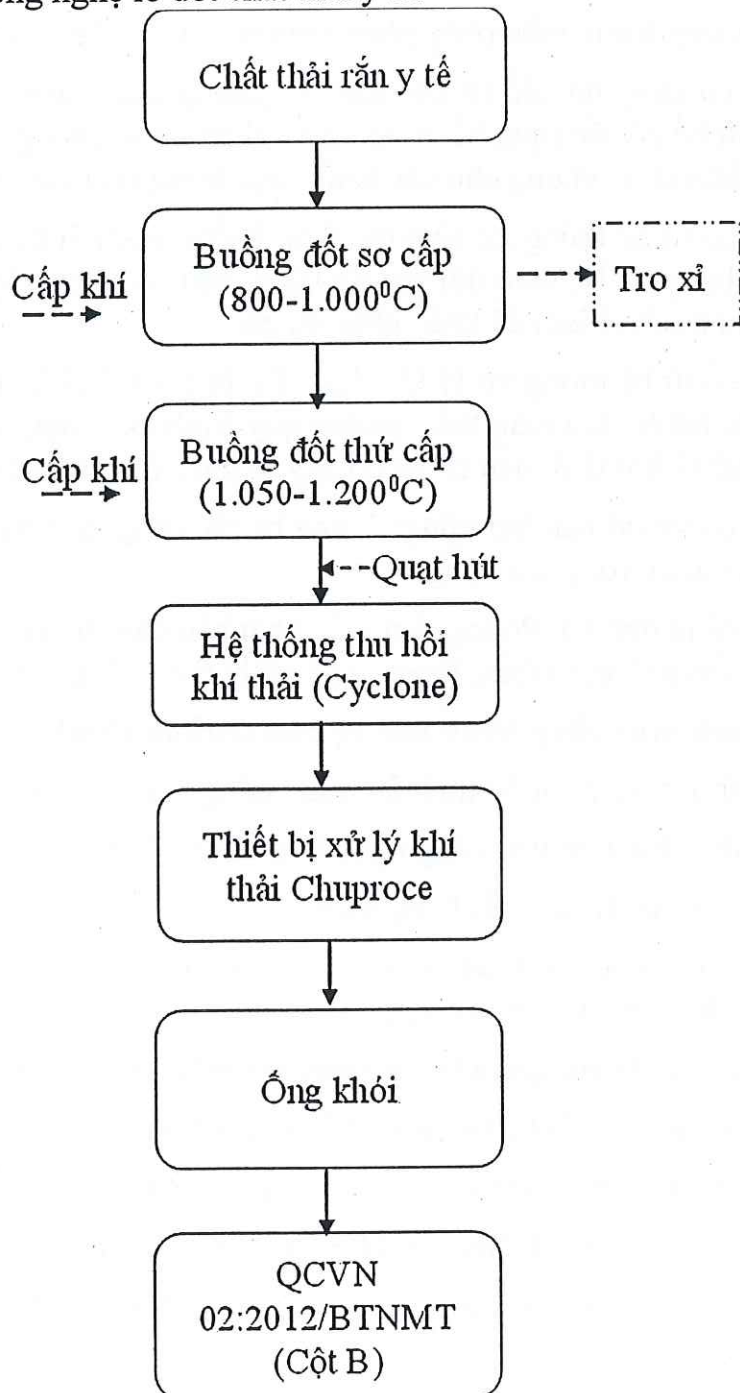
+ Chất thải y tế thông thường không phục vụ mục đích tái chế: Được thu gom vào túi màu xanh có dung tích 50 lít. Hàng ngày có nhân viên thu gom tập kết phía trước dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý định kỳ 02 lần/ngày.

serhan

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải y tế nguy hại: Chất thải nguy hại không lây nhiễm được phân loại, thu gom vào các dụng cụ, thiết bị lưu chứa màu đen. Chất thải lây nhiễm được phân loại, thu gom riêng vào các dụng cụ, thiết bị lưu chứa màu vàng; định kỳ 01 lần/ngày thu gom về kho chứa chất thải lây nhiễm diện tích 25 m² và được xử lý bằng lò đốt chất thải y tế công nghệ Nhật Bản công suất 20 - 25 kg/giờ.

Quy trình công nghệ lò đốt chất thải y tế:



- Chất thải nguy hại khác, tro xỉ từ lò đốt chất thải y tế: Được thu gom vào 4 thùng chứa 120 lít có nắp đậy; bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 25 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý đúng quy định.

Handwritten signature

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Được thu gom, lưu chứa tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý tần suất 3 tháng/lần.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: Điều chỉnh âm lượng của các loa thông báo ở mức cho phép; định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị; kiểm tra, thay thế hoặc bổ sung các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền các thiết bị như máy bơm, máy phát điện dự phòng,...

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sự cố cháy nổ: Bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy; nước chữa cháy được lấy từ bể có sẵn (nhà bể nước ngầm chứa nước phòng cháy chữa cháy 42 m²) phục vụ chữa cháy chung cho các hạng mục trong khu vực dự án.

- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải: Kiểm tra định kỳ các máy móc, thiết bị; bố trí cán bộ quản lý, theo dõi và vận hành, nếu có sự cố xảy ra phải báo ngay với đơn vị chịu trách nhiệm để khắc phục sự cố.

- Sự cố từ hệ thống xử lý khí thải: Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; cán bộ vận hành phải tuân thủ nghiêm quy trình kỹ thuật, theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, nếu có sự cố xảy ra phải xử lý kịp thời, khắc phục sự cố.

- Sự cố về tai nạn lao động: Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động; áp dụng kỹ thuật an toàn trong lao động.

- Sự cố phóng xạ: Phòng làm việc phải bảo đảm tiêu chuẩn; thu gom các chất thải có nguồn phóng xạ (rắn, lỏng,...) để xử lý theo đúng quy phạm an toàn bức xạ.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.

- Lò đốt chất thải y tế công nghệ Nhật Bản công suất 20 - 25 kg/giờ.

- Thiết bị xử lý khí thải Chuproce.

- Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu giữ, khu vực lưu chứa chất thải tái chế, chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại,...

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực công trường xây dựng.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Handwritten signature

5.1.2. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

+ 01 điểm tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅ (20⁰C), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo N), Sunfua (tính theo H₂S), Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, *Tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A).

5.1.3. Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra hệ thống xử lý khí thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Nhiệt độ, Bụi tổng, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), CO, HCl, Cadimi (Cd), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Tổng Dioxin/Furan.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải y tế (cột B).

5.2. Giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

+ 01 điểm tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅ (20⁰C), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo N), Sunfua (tính theo H₂S), Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, *Tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A).

5.2.2. Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra hệ thống xử lý khí thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Nhiệt độ, Bụi tổng, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), CO, HCl, Cadimi (Cd), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Tổng Dioxin/Furan.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.





- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải y tế (cột B).

5.2.3. Giám sát phóng xạ:

- Vị trí giám sát: Tại khu vực khoa chẩn đoán hình ảnh, có sử dụng các loại máy móc chiếu xạ.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Tại các vị trí lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Nội dung và tần suất giám sát:

+ Chất thải rắn thông thường: Giám sát quá trình thu gom và phân loại tại dự án. Tần suất giám sát: 01 lần/ngày.

+ Chất thải rắn nguy hại: Giám sát quá trình thu gom, phân loại và khả năng chứa của thùng chứa chất thải nguy hại. Tần suất giám sát: 01 lần/6 tháng.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Trong quá trình thi công xây dựng:

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý, tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường và những ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động kinh tế, dân sinh, giao thông ở các khu vực diễn ra các hoạt động của dự án.

- Lập kế hoạch thi công và điều tiết giao thông, không gây xáo trộn và ảnh hưởng đến giao thông khu vực. Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố môi trường, sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý, hợp đồng thuê đơn vị chức năng xử lý.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động làm việc trực tiếp tại dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trường hợp có tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường mới ban hành thay thế các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường đã được áp dụng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường này thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện giám sát môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường mới.

- Thông tin rộng rãi cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án biết về các hoạt động thi công của dự án.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công dự án.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường thì phải dừng ngay các hoạt động và tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Trong quá trình hoạt động:

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải rắn phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý và đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Vận hành lò đốt chất thải y tế công nghệ Nhật Bản công suất 20 - 25 kg/giờ, thiết bị xử lý khí thải Chuwastar của lò đốt chất thải y tế, đảm bảo khí thải được xử lý đạt cột B, QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn khí thải lò đốt rác y tế trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải, mùi phát sinh từ hoạt động của dự án, hệ thống xử lý nước thải,... phải đảm bảo các biện pháp giảm thiểu đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải y tế phát sinh của dự án (bao gồm công trình hiện hữu và công trình xây dựng mới), dẫn toàn bộ nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày để xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Nước thải sau xử lý thải ra kênh Tiêu bằng đường ống PVCØ250.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trường hợp có quy chuẩn môi trường mới thay đổi quy chuẩn này thì các chỉ tiêu giám sát và quy chuẩn so sánh được thực hiện theo quy chuẩn mới.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải dừng hoạt động, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

semlon

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

ML *hienhuu*